TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO PHONG** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03/04/2025.
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO PHONG - TỈNH HÒA BÌNH

THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Thịnh;
Các hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Thủy và ông Đỗ Quốc Kỳ;
Thư ký phiên tòa: Ông Đặng THnh Đạt - Thư ký Toà án;
Kiểm sát viên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong.

Ngày 03 tháng 04 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 102/2024/TLST- HNGĐ ngày 06/11/2024 về việc: *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/03/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25/03/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị T, sinh năm: 1977 *(Vắng mặt có lý do);*
- Bị đơn: Ông Bùi Văn A, sinh năm: 1976 (*Vắng mặt không có lý do);*

Cùng cư trú tại: Xóm Quyền, xã Hợp Phong, huyện Cao Phong, Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại phiên tòa ngày hôm nay theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong qúa trình giải quyết vụ án cũng như đơn xin xét xử vắng mặt bà Bùi Thị T trình bày như sau:*

** Về quan hệ hôn nhân:* Tôi có kết hôn với anh Bùi Văn A, sinh năm 1976, chúng tôi có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Phong (Nay là xã Hợp Phong), huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình ngày 31/07/2004. Sau khi kết hôn và chung sống cùng nhau thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc được khoảng 03 *(Ba)* năm thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình hai vợ chồng không hòa hợp, anh A là người hay chơi lô đề, cờ bạc, thường xuyên nhậu nhẹt rượu chè về nH là chửi bới lăng mạng, xúc phạm vợ con, thậm chí nhiều lần anh A còn Hnh hung và đA đập tôi. Tôi rất nhiều lần tha thứ cho anh A nhưng anh A không hề thay đổi. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân rạn nứt cũng không thể Hn gắn được nữa. Tôi làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Bùi Văn A.

* *Về con chung:* Quá trình chung sống vợ chồng tôi có 02 *(Hai)* con chung tên là Bùi Văn D, sinh ngày 14/05/1997 và Bùi Thị Thu H, sinh ngày 07/12/1999. Hiện hai cháu đã trưởng tHnh, đã đủ 18 *(Mười tám)* tuổi nên về phần con chung tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

* *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về, công nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phía ông Bùi Văn A: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng "Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa" nhưng không có kết quả, ông A vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi cho Tòa án.

2. *Tại biên bản xác minh ngày 16/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Phong tại Công an xã Hợp Phong, chính quyền địa phương nơi cư trú và gia đình ông Bùi Văn A và bà Bùi Thị T với nội dung:*

Ông Bùi Văn A và bà Bùi Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn hợp pháp tại Uỷ ban nhân dân xã Tân Phong (Nay là xã Hợp Phong), huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình, ngày 31/07/2004. Sau một thời gian chung sống cùng nhau thì vợ chồng ông A và bà T phát sinh mâu thuẫn. Hiện ông A vẫn sinh sống và làm ăn tại địa phương, bà T đã chuyển về nH bố mẹ đẻ sinh sống. Đến nay hai vợ chồng đã sống ly thân, vì vậy khả năng đoàn tụ là rất khó.

Ông A và bà T có 02 *(Hai)* con chung tên là Bùi Văn D, sinh ngày 14/05/1997 và Bùi Thị Thu H, sinh ngày 07/12/1999. Hiện hai cháu đã đủ 18 *(Mười tám)* tuổi, đã trưởng tHnh.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

* *Về tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định trong bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, nguyên đơn đã chấp Hnh đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ. Bị đơn không chấp Hnh đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng.

* *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn, xử cho bà Bùi Thị T được ly hôn với ông Bùi Văn A.

* *Về con chung:* Vợ chồng bà T, ông A có 02 *(Hai)* con chung tên là Bùi Văn D, sinh ngày 14/05/1997 và Bùi Thị Thu H, sinh ngày 07/12/1999. Hiện đã đủ 18 *(Mười tám)* tuổi, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

* *Về tài sản chung:* Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

* *Về công nợ chung:* Bà T xác nhận không có công nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không đề cập giải quyết.

* *Về án phí:* Bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bà Bùi Thị T khởi kiện ông Bùi Văn A là vụ án dân sự tranh chấp *"Ly hôn"* căn cứ vào giấy xác nhận thông tin về cư trú, ông A có nơi cư trú tại xóm Quyền, xã Hợp Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa ngày 25/03/2025, nguyên đơn bà Bùi Thị T *(Có mặt)*, bị đơn ông Bùi Văn A vắng mặt không có lý do *(Vắng mặt lần thứ nhất)* nên Hội đồng xét xử hoãn xét xử vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Bùi Thị T *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)* bị đơn ông Bùi Văn A, vắng mặt không có lý do *(Vắng mặt lần thứ 2).* Vì vậy, căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến Hnh xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị T và ông Bùi Văn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 31/07/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phong (Nay là xã Hợp Phong), huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình nên hôn nhân giữa bà T và ông A là hôn nhân hợp pháp. Trên cơ sở lời khai của bà T cho thấy, quá trình chung sống ông bà không có hạnh phúc. Ông A không quan tâm, lo lắng, chăm sóc cho vợ con. Hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống không thể Hn gắn được, hiện tại ông bà sống ly thân đã lâu.

Từ những nhận định trên thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông A đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị T là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 39 Luật dân sự.

[3]. Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông A có 02 *(Hai)* con chung tên là Bùi Văn D, sinh ngày 14/05/1997 và Bùi Thị Thu H, sinh ngày 07/12/1999. Hiện hai cháu đã đủ 18 *(Mười tám)* tuổi, đã trưởng tHnh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về công nợ chung: Bà T xác nhận không có công nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Bà Bùi Thi T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban Hnh ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Bùi Thị T được ly hôn với ông Bùi Văn A.

2. Về con chung: Vợ chồng bà T, ông A có 02 *(Hai)* con chung tên là Bùi Văn D, sinh ngày 14/05/1997 và Bùi Thị Thu H, sinh ngày 07/12/1999. Hiện hai cháu đã đủ 18 *(Mười tám)* tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí**:** Bà Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002966 ngày 06/11/2024 của Chi cục thi Hnh án dân sự huyện Cao Phong, bà T đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh HB;
-VKSND huyện CP;
-Chi cục THADS huyện CP;
-Nơi đăng ký kết hôn;
-Các đương sự;
-Lưu VP, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đức Thịnh